TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 9- 2022
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc

2. Ông Nguyễn Đông Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ Phương Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp Q, xã E, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Phước L, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp Q, xã E, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc P trình bày: Hôn nhân của chị với bị đơn anh Trần Phước L là tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên anh chị đã ly thân từ

đo cho đến nay. Do đó, chị nguyên yêu cầu ly hôn với Trần Phước L; Chị và anh L có hai người con chung là cháu Trần Phước L1, sinh ngày 07/01/2006 và cháu Trần Thị Trúc L2, sinh ngày 17/11/2012. Cả hai con chung đang sống cùng anh L nên khi ly hôn chị đồng ý giao cả hai con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; Chị có yêu cầu chia đôi tài sản chung nhưng sau đó chị rút lại yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận; Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng bị đơn anh Trần Phước L đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn là đúng pháp luật, đối với bị đơn chưa đúng pháp luật; Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung tiếp tục giao cho bị đơn nuôi dưỡng, chưa xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu; nguyên đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ xét xử về tài sản chung; về nợ chung không có nên không xem xét; về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật; về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất đều không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn, yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung khi ly hôn. Thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có địa chỉ tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu

Giang. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung và bị đơn không phản đối nên xác định lại quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với nguyên đơn có yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Ngày 10/4/2009, giữa nguyên đơn với bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc P với bị đơn anh Trần Phước L đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2009, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Thời điểm anh chị đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên anh đã ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên đơn nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Theo biên bản xác minh ngày 01/6/2022, anh L với chị P có hai người con chung, về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn giữa anh chị thì chính quyền địa phương không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về nuôi dưỡng con chung: Giữa chị P với anh L có hai người con chung là cháu Trần Phước L1, sinh ngày 07/01/2006 và cháu Trần Thị Trúc L2, sinh ngày 17/11/2012. Cả hai con chung đều do anh L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P thống nhất giao cả hai con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên

phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Theo biên bản ghi nhận ý kiến con chung chưa thành niên ngày 05/8/2022, cháu Trần Phước L1 và cháu Trần Thị Trúc L2 đều có nguyện vọng được sống chung với cha. Theo biên bản xác minh ngày 01/6/2022, thì anh L và chị P có hai người con chung đang sống cùng anh L. Xét thấy, cháu Trần Phước L1 và cháu Trần Thị Trúc L2 đang sống cùng nhau và đều do anh Trần Phước L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để bảo đảm ổn định về điều kiện sống và tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của các cháu, bảo đảm quyền được sống cùng nhau của anh, chị em ruột theo quy định của Luật Trẻ em và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Phước L1 và cháu Trần Thị Trúc L2, nên cần thiết giao cả hai con chung cho anh Trần Phước L tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Toà án chưa xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung

[6.1] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu chia đôi tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung để tự thỏa thuân; Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Tòa án đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật bằng một vụ án khác.

[6.2] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, nợ chung không có nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 60 của Luật Trẻ em năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Trúc P với anh Trần Phước L được ly hôn.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Trần Phước L1, sinh ngày 07/01/2006 và cháu Trần Thị Trúc L2, sinh ngày 17/11/2012 cho anh Trần Phước L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ chung không có nên không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002812, ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, nguyên đơn đã nộp xong, không phải nộp thêm.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Cổng TTĐTTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Quyền Trân